

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới áp lực chốt lời gia tăng sau nhịp tăng mạnh kéo dài

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ nhờ diễn biến tích cực của chỉ số Dow future

[Thông tin doanh nghiệp]

VCG, HVN

[Vĩ mô/Chiến lược]

Cơ cấu tháng 1/2021

[Quan điểm đầu tư]

Nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua/bán trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn và chỉ tăng tỷ trọng ngắn hạn nếu chỉ số xuất hiện nhịp điều chỉnh rõ nét

30/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,097.54	-0.18
VN30	1,059.16	+0.07
HĐTL VN30F1M	1,070.10	+0.28
HNXIndex	196.94	-0.08
HNX30	316.53	-0.73
UPCoM	73.41	-0.57
USD/VND	23,093	-0.10
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.41	+7
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+4
Dầu (WTI, \$)	48.29	+0.60
Vàng (LME, \$)	1,879.42	+0.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,097.54 (-0.18%)
KLGD (triệu CP) 619.8 (+1.4%)
GTGD (triệu US\$) 583.3 (-6.7%)

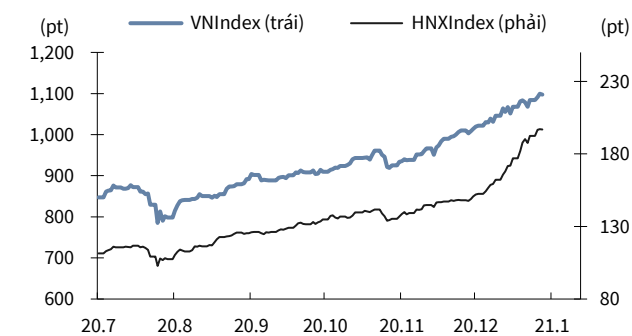
HNXIndex 196.94 (-0.08%)
KLGD (triệu CP) 110.9 (+7.1%)
GTGD (triệu US\$) 49.3 (-8.9%)

UPCoM 73.41 (-0.57%)
KLGD (triệu CP) 50.8 (-59.7%)
GTGD (triệu US\$) 24.5 (-8.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -9.2

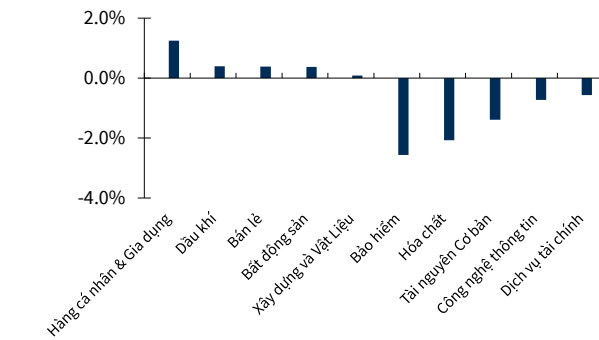
TTCK Việt Nam giảm điểm dưới áp lực chốt lời gia tăng sau nhịp tăng mạnh kéo dài. Cổ phiếu ngành thép như HPG (-1.7%), NKG (-1.7%) giảm điểm sau thông tin Bộ Thương mại và Công nghiệp Quốc tế Malaysia (MITI) mới đây công bố áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời từ 7.73% đến 34.82% đối với thép không gỉ cán nguội từ Việt Nam và Indonesia. Ông Lê Tiến Trường - Phó chủ tịch Hiệp hội Dệt May Việt Nam nhận định phải đến quý II/2022 và chậm nhất là quý IV/2023 thì thị trường dệt may mới có thể phục hồi nguồn cầu như năm 2019 khiến cổ phiếu ngành dệt may giảm giá ở TNG (-1.9%), MSH (-0.6%). Cổ phiếu doanh nghiệp sản xuất điện mặt trời giảm giá ở ASM (-5.5%), PC1 (-0.7%) sau thông tin hệ thống điện đã phải cắt giảm huy động điện mặt trời do nhu cầu tiêu thụ điện của cả nước ở mức thấp. Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở HPG (-1.68%), MBB (-0.22%), VNM (-0.37%).

VNIndex & HNXIndex



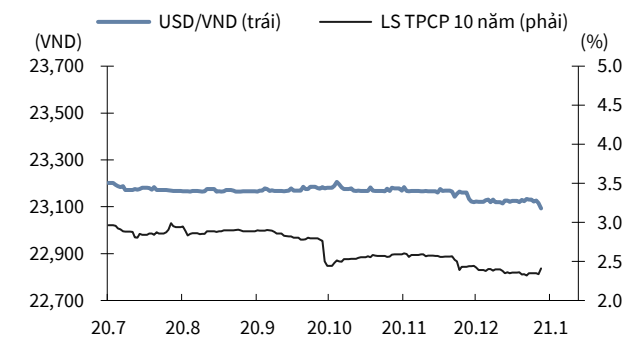
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



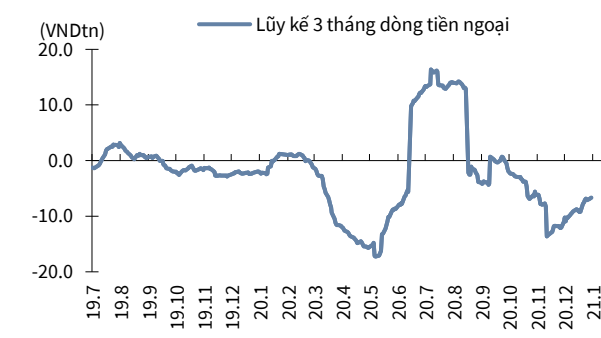
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

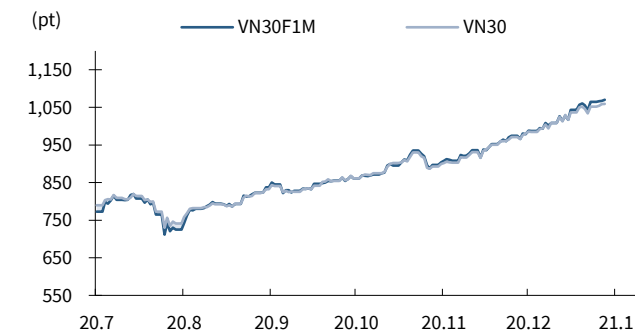
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,059.16 (+0.07%)
VN30F1M	1,070.1 (+0.28%)
Mở cửa	1,066.0
Cao nhất	1,079.1
Thấp nhất	1,064.5

HĐTL tăng nhẹ nhờ diễn biến tích cực của chỉ số Dow future trong ngày giao dịch trầm lắng của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2101 và Vn30 mở cửa ở mức 8.41 trước khi mở rộng dần và đóng cửa ở ngưỡng 10.94. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay trong khi thanh khoản tăng nhẹ.

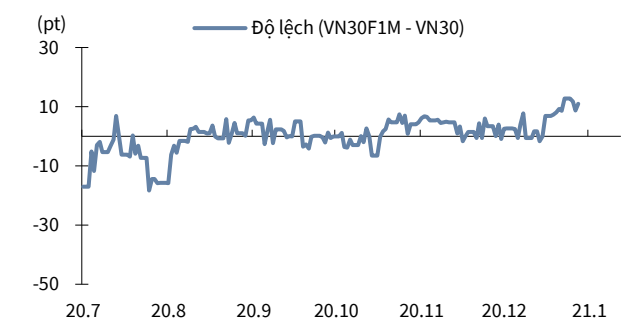
KLGD (HĐ)	129,636 (+11.4%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



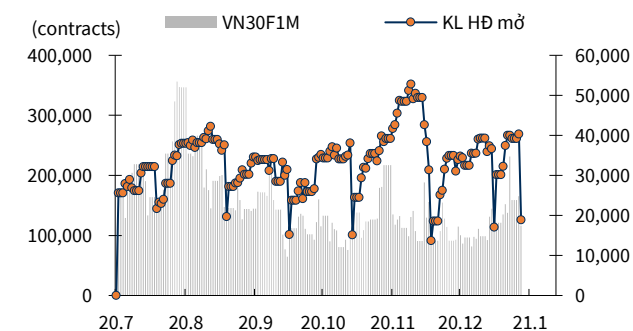
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



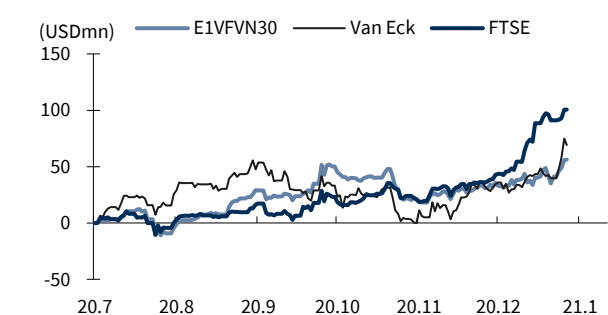
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

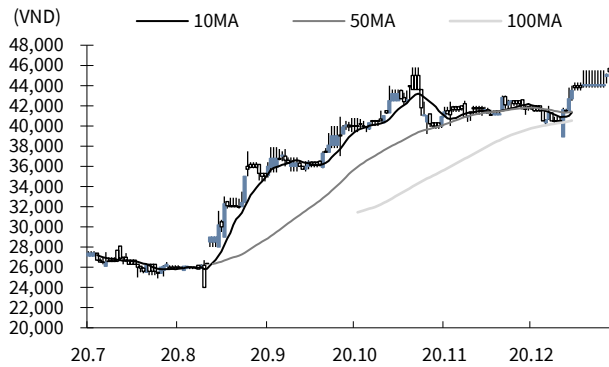
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

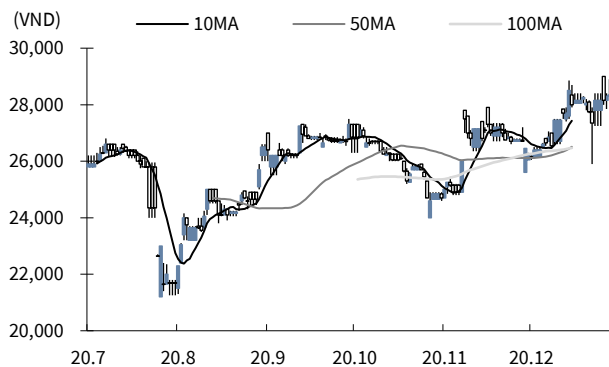
Vinaconex (VCG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG tăng 0.7% lên 45,400 VND/cp.
- VCG thông báo quyết định HĐQT trả cổ tức 2019 tỷ lệ 6% và tạm ứng cổ tức năm 2020 tỷ lệ 6%, tổng cộng 12% (mỗi cổ phiếu nhận 1,200 VND) tương đương 482 tỷ đồng, ngày đăng ký cuối cùng là 12/1/2021 và ngày thực hiện chi trả 11/2/2021.
- VCG dự kiến lợi nhuận sau thuế đạt gần 1,500 tỷ đồng, vượt 82% kế hoạch; doanh thu hợp nhất năm 2020 đạt 9,600 tỷ đồng,.

Vietnam Airlines (HAV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAV tăng 0.2% lên 28,350 VND/cp.
- Ban lãnh đạo HAV cho biết đến cuối tháng 12, lỗ hợp nhất dự kiến cả năm 14,445 tỷ đồng, ít hơn khoảng 2,420 tỷ đồng so với kế hoạch; và doanh thu hợp nhất của hãng ước đạt hơn 42,500 tỷ đồng,.
- Trước đó Quốc hội đã nhất trí cho phép Vietnam Airlines được vay tái cấp vốn với lãi suất 0%, tối đa 4,000 tỷ đồng, phần chênh lệch giữa lãi suất ưu đãi, lãi suất tái cấp vốn với lãi suất vay ngắn hạn thấp nhất trên thị trường có thể được vốn hóa để các cổ đông tăng vốn tại HAV theo giá phát hành bằng mệnh giá.

Cơ cấu tháng 1/2021

VN30 Index, VNFin Lead Index & VNDiamond Index

BVH, TPB và PDR nhiều khả năng sẽ thay thế SAB, ROS và EIB trong kì review của VN30 Index

SAB và EIB đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi rổ VN30 do vi phạm tiêu chí giá trị giao dịch khớp lệnh và khối lượng giao dịch khớp lệnh. Trong khi đó, cổ phiếu ROS nhiều khả năng cũng bị loại do vi phạm tiêu chí vốn hóa. Ở chiều ngược lại, BVH, TPB và PDR là 3 cái tên sáng giá lọt vào rổ VN30 sau khi đáp ứng tốt tiêu chí lựa chọn. Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (01/2/2021).

BVH, VND, VCI và TPB nhiều khả năng sẽ được thêm vào danh mục chỉ số VNFin Lead Index kì review tới

BVH, VND, VCI và TPB thỏa mãn các tiêu chí xét duyệt của bộ chỉ số. Bên cạnh đó, các cổ phiếu hiện tại trong rổ VNFin Lead cũng vẫn đáp ứng tốt điều kiện xét duyệt, chỉ trừ EIB ở sát ngưỡng đạt chuẩn tiêu chí tỷ suất vòng quay tối thiểu 0.1% nên vẫn có nguy cơ bị loại ra khỏi rổ. Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (01/2/2021).

Danh mục chỉ số VNDiamond Index sẽ được giữ nguyên khi kì review tháng 1 chỉ cập nhật thông tin khối lượng lưu hành, free-float, giới hạn tỷ trọng vốn hóa và trọng số điều chỉnh thanh khoản của cổ phiếu thành phần. Danh mục mới có hiệu lực từ thứ 2 (01/2/2021).

Tác động dự kiến trong kì review tháng 1:

Cổ phiếu được mua vào đáng kể: TPB, VIC, VNM, PDR, HDB

Cổ phiếu bị bán ra đáng kể: EIB, SAB, VCB, ROS, VPB

Chúng tôi kì vọng TPB sẽ được hưởng lợi nhiều nhất trong kì review này với dòng tiền chảy vào dự kiến khoảng 12.9 triệu USD, tương ứng với 3.5 ngày giao dịch.

VN30, VNFin Lead và VNDiamond sẽ công bố thay đổi quý chỉ số vào ngày 18/1/2021. Chúng tôi ước tính dòng tiền tác động lên cổ phiếu dựa trên giá trị tài sản của các ETFs mô phỏng theo 3 bộ chỉ số, bao gồm: 1) VFMVN30 ETF với 318 triệu USD, KIM KINDEX VIETNAM VN30 ETF với 203 triệu USD, SSIAM VN30 ETF với 3 triệu USD và MAFN VN30 ETF với 9 triệu USD mô phỏng theo VN30; 2) SSIAM VNFIN Lead ETF với 47 triệu USD mô phỏng theo VNFin Lead Index; 3) VFMVN Diamond ETF với 218 triệu USD mô phỏng theo VNDiamond Index.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nỗ lực mở rộng đà tăng phiên sáng không thành công, VNIndex đảo chiều giảm điểm vào cuối phiên.
- Xung lực của chỉ số thêm một lần nữa cho thấy tín hiệu suy yếu, để ngỏ khả năng rơi vào nhịp điều chỉnh hoặc đi ngang trong ngắn hạn. Mặc dù vậy, rủi ro này chỉ trở nên rõ nét hơn nếu thị trường có thêm 1 phiên giảm điểm vào ngày mai, đóng vai trò xác nhận cho mẫu nền đảo chiều trong phiên hôm nay.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, kết hợp mua/bán trading quay vòng 1 phần nhỏ ngắn hạn và chỉ tăng tỷ trọng ngắn hạn nếu chỉ số xuất hiện nhịp điều chỉnh rõ nét xuống 2 vùng hỗ trợ đáng chú ý quanh 103x và xa hơn là 1010 (+5).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1078 - 1081

Kháng cự gần: 1073 - 1075

Hỗ trợ gần: 1064 - 1066

Hỗ trợ xa: 1052 - 1055

- Sau nhịp tăng hưng phấn đầu phiên, F1 vấp phải áp lực bán mạnh trong phiên chiều trước khi nhận được lực cầu bắt đáy vào cuối phiên giúp đóng cửa với mức tăng nhẹ.
- Chúng tôi cho rằng xung lực tăng điểm đang có phần suy yếu và chỉ số vẫn đang đối mặt với rủi ro điều chỉnh trong ngắn hạn. Tuy nhiên, kịch bản này chỉ trở nên rõ nét hơn nếu F1 xuất hiện thêm 1 phiên giảm điểm vào ngày mai, xác nhận cho mẫu nến đảo chiều hôm nay.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều trong phiên nhưng chuyển sang ưu tiên mở các vị thế SHORT nếu đánh mất vùng hỗ trợ xa.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế SHORT đã mở, chỉ STOP nếu vượt vùng kháng cự gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

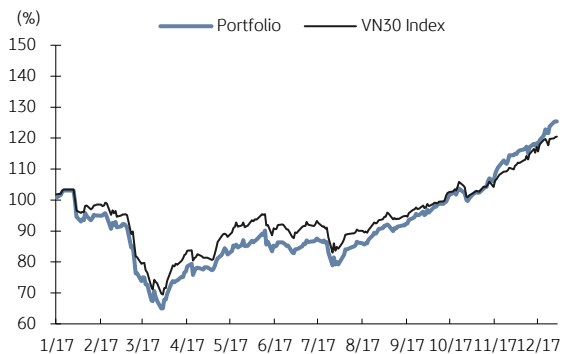
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.07%	0.00%
Tăng lũy kế (YTD)	20.49%	25.38%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	117,300	0.1%	1.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,550	0.2%	20.8%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	80,400	2.4%	4.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	22,900	-0.2%	33.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	48,300	1.3%	42.1%	- Mạnh cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	58,100	-0.9%	73.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,350	0.6%	40.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	86,900	-0.2%	18.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	40,900	-1.7%	109.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	23,000	-1.5%	67.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.7%	100.0%	35.3
VCI	1.8%	27.6%	30.2
VRE	-1.0%	30.4%	18.6
VHM	-0.1%	22.1%	14.6
VCB	-1.3%	23.7%	12.4
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.7%	33.2%	-223.2
MBB	-0.2%	23.0%	-50.5
VNM	-0.4%	57.9%	-45.0
KBC	-1.5%	16.5%	-35.7
VHC	-0.3%	29.7%	-32.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	0.6%	3.4%	0.9
VIG	9.1%	3.3%	0.7
LHC	0.6%	22.3%	0.6
PGN	9.4%	1.0%	0.5
SZB	2.7%	4.4%	0.4
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNR	3.6%	28.7%	-4.4
BVS	4.4%	20.6%	-1.9
BII	0.0%	4.4%	-1.9
SHS	-2.9%	7.5%	-1.8
IDC	0.0%	0.0%	-1.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	10.0%	BVH, BIC
Dịch vụ tài chính	6.4%	SSI, VCI
Dầu khí	3.9%	PLX, PVD
Hóa chất	2.8%	DGC, DCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.8%	GAS, POW
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-3.8%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.3%	LGC, GEX
Thực phẩm và đồ uống	0.0%	VNM, HNG
Bán lẻ	0.3%	MWG, CMV
Y tế	0.5%	PME, DHG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	35.1%	DCM, DPM
Dịch vụ tài chính	32.4%	SSI, VND
Bảo hiểm	15.2%	BVH, BIC
Tài nguyên Cơ bản	15.2%	HPG, HSG
Xây dựng và Vật Liệu	10.1%	VCG, CTD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.7%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	2.2%	VHC, VNM
Y tế	3.7%	IMP, VDP
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.5%	APH, DVP
Bán lẻ	4.9%	MWG, CMV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	108,500	366,994 (15,892)	92,005 (4.0)	22.8	65.0	44.5	14.2	6.4	8.5	3.8	3.5	1.9	2.6	4.4	-5.7
	VHM	VINHOMES JSC	90,200	296,714 (12,849)	230,420 (10.0)	27.0	11.2	9.5	34.2	36.8	30.9	3.5	2.6	-0.1	3.2	9.2	6.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	31,350	71,237 (3,085)	239,428 (10.4)	18.6	31.5	22.7	-11.8	8.2	10.8	2.5	2.3	-0.9	2.5	11.2	-7.8
	NVL	NO VA LAND INVES	66,800	65,884 (2,853)	187,450 (8.1)	33.0	17.1	16.4	3.1	14.7	13.5	2.5	2.2	-1.6	-0.3	10.2	12.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	29,000	16,205 (702)	55,712 (2.4)	10.6	14.7	13.0	14.7	14.2	15.1	2.0	1.9	0.5	0.7	8.4	13.2
	DXG	DAT XANH GROUP	15,950	8,267 (358)	117,039 (5.1)	13.6	14.7	8.0	-54.0	4.3	13.6	1.1	1.0	-1.5	3.2	14.7	10.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,900	363,099 (15,723)	90,258 (3.9)	6.3	22.8	18.8	10.1	19.1	19.1	3.8	3.1	-1.3	0.4	5.3	8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	48,050	193,258 (8,369)	126,713 (5.5)	12.6	34.6	21.7	-7.2	9.3	12.2	2.4	2.2	-0.6	3.1	15.2	4.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	29,900	104,797 (4,538)	512,968 (22.2)	0.0	9.5	8.3	7.9	16.4	16.1	1.4	1.2	0.5	4.2	24.1	27.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,350	127,899 (5,538)	299,621 (13.0)	1.1	13.6	10.2	31.2	12.6	14.8	1.5	1.4	0.6	-0.4	2.5	64.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	31,800	78,061 (3,380)	197,048 (8.5)	0.0	8.7	7.5	9.1	18.6	18.3	1.5	1.3	0.3	-0.6	18.7	59.0
	MBB	MILITARY COMMERC	22,900	63,505 (2,750)	354,758 (15.3)	0.0	8.2	7.2	10.5	18.5	17.7	1.3	1.1	-0.2	0.0	12.5	26.6
	HDB	HDBANK	23,600	37,613 (1,629)	114,858 (5.0)	4.7	8.3	7.0	24.7	19.2	19.0	1.5	1.2	-0.2	-1.7	7.3	41.3
	STB	SACOMBANK	16,800	30,301 (1,312)	373,816 (16.2)	14.2	17.3	13.5	11.5	7.1	8.4	1.1	1.0	0.6	0.6	14.7	67.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	26,550	27,390 (1,186)	64,012 (2.8)	0.0	8.1	7.5	34.8	22.3	19.9	1.7	1.4	0.2	0.2	19.1	54.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	20,100	24,712 (1,070)	7,287 (0.3)	0.0	29.0	33.1	13.6	5.3	4.4	1.5	1.4	6.9	3.1	16.9	12.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	65,000	48,251 (2,089)	75,893 (3.3)	20.7	38.4	30.8	4.0	6.6	8.2	2.4	2.3	-3.0	10.9	18.2	-5.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	30,600	2,795 (121)	17,091 (0.7)	14.5	16.7	14.7	9.7	8.5	9.4	1.2	1.2	-1.3	3.0	-0.6	23.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	31,500	18,869 (817)	296,967 (12.8)	53.3	16.4	15.3	-4.1	10.3	11.7	-	-	-0.6	9.4	63.6	102.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,800	9,240 (400)	67,012 (2.9)	72.4	-	-	-	11.1	13.0	-	-	1.8	10.7	33.8	89.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	30,750	9,380 (406)	149,583 (6.5)	52.4	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-1.9	4.6	27.1	44.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	29,400	6,131 (265)	75,918 (3.3)	16.7	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-1.3	8.7	61.1	104.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,800	227,353 (9,845)	263,981 (11.4)	42.2	22.2	20.2	6.2	38.9	39.1	7.7	7.0	-0.4	-1.3	0.6	12.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	200,000	128,256 (5,554)	19,724 (0.9)	36.9	30.2	24.6	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	0.1	1.5	4.4	-12.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	83,500	98,086 (4,247)	80,358 (3.5)	15.4	90.3	37.1	-52.5	3.5	8.8	3.1	2.9	0.4	0.8	1.8	47.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,550	16,129 (698)	80,595 (3.5)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	2.5	-1.4	-1.0	4.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	124,500	65,218 (2,824)	76,452 (3.3)	11.3	-	29.9	-	-4.3	14.1	4.5	4.0	-0.9	1.5	6.0	-14.8
	GMD	GEMADEPT CORP	32,200	9,561 (414)	162,505 (7.0)	10.4	23.6	21.7	-53.1	7.1	7.5	1.6	1.6	-1.5	0.0	15.8	38.2
	CII	HO CHI MINH CITY	21,800	5,207 (225)	57,643 (2.5)	41.6	11.5	10.8	135.9	9.1	8.9	1.0	0.9	3.1	9.5	26.4	-3.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,500	1,419 (061)	21,051 (0.9)	46.8	-	-	-	-	-	-	-	2.9	0.0	14.7	-85.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,550	10,598 (459)	197,075 (8.5)	37.2	30.9	13.0	-17.7	11.3	12.4	-	-	-2.6	-4.4	10.3	16.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	79,300	6,050 (262)	93,406 (4.0)	2.9	12.2	11.0	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	-0.3	7.5	23.5	54.6
	REE	REE	48,300	14,975 (648)	24,401 (1.1)	0.0	10.1	8.9	-8.7	13.4	13.6	1.3	1.2	1.3	-0.4	-0.6	33.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	86,900	166,322 (7,202)	93,166 (4.0)	45.9	20.4	17.0	-14.9	17.0	19.3	3.4	3.4	-0.2	2.6	4.1	-7.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	24,450	7,039 (305)	16,565 (0.7)	30.3	11.1	10.4	-8.4	13.7	16.9	1.8	1.7	-0.2	-1.2	7.2	12.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,300	7,791 (337)	8,792 (0.4)	33.7	10.2	9.3	-17.4	13.1	14.4	1.3	1.3	0.8	-1.2	1.7	-9.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	40,900	135,513 (5,868)	788,145 (34.1)	15.8	12.0	9.6	14.0	20.6	21.2	2.4	1.9	-1.7	2.3	15.2	108.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,700	7,318 (317)	66,700 (2.9)	36.3	10.3	11.4	8.0	9.7	8.9	0.9	0.8	0.0	-0.3	9.0	44.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,000	7,412 (321)	57,326 (2.5)	46.3	13.1	17.2	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	2.2	3.7	17.6	115.4
	HSG	HOA SEN GROUP	21,750	9,663 (418)	219,716 (9.5)	37.1	8.4	7.6	67.9	15.9	15.5	1.3	1.1	-0.9	-2.5	20.8	192.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,450	3,204 (139)	48,417 (2.1)	97.1	7.9	8.4	38.5	11.7	10.1	0.9	0.9	3.2	2.5	13.8	19.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	54,900	66,913 (2,898)	47,626 (2.1)	4.3	59.4	19.9	-43.1	5.1	14.9	2.8	2.6	0.4	3.4	8.1	-2.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	15,900	6,696 (290)	129,090 (5.6)	39.3	50.6	49.9	-6.2	0.9	0.9	0.5	0.5	0.6	9.7	22.8	5.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,800	4,466 (193)	47,413 (2.1)	39.4	8.7	8.4	-8.6	11.1	10.4	0.8	0.8	0.0	4.5	10.0	-5.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	117,300	53,091 (2,299)	130,890 (5.7)	0.0	13.8	10.6	12.9	28.1	28.7	3.4	2.8	0.1	-0.7	1.1	2.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	80,400	18,286 (792)	64,560 (2.8)	0.0	18.5	15.1	4.4	21.6	22.7	3.6	3.1	2.4	3.1	3.2	-6.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	46,000	1,439 (062)	1,670 (0.1)	70.3	19.3	14.1	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-0.6	-4.0	4.3	24.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	32,000	2,527 (109)	81,307 (3.5)	30.1	76.3	22.8	-48.9	2.8	9.3	2.1	2.0	-1.8	9.6	34.7	52.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,900	8,658 (375)	61,447 (2.7)	35.3	9.8	9.0	29.5	35.5	32.6	-	-	-0.2	-3.0	0.8	67.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,600	13,545 (587)	750 (0.0)	45.2	18.0	17.8	13.6	21.4	20.3	3.5	3.3	-0.1	-0.4	0.1	13.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,200	5,641 (244)	1,392 (0.1)	11.7	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	-1.4	1.5	38.5
IT	FPT	FPT CORP	58,100	45,545 (1,972)	121,087 (5.2)	0.0	13.5	11.6	19.3	23.5	25.0	2.8	2.5	-0.9	1.0	4.9	14.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khoảng Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhtt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.